

Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Về việc : Giải trình chênh lệch số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2019 và cùng kỳ năm trước :

Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Chênh lệch	Nguyên nhân
1	2	3	4	5	6= (4-5)	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	2,557,300,317,754	3,058,141,138,447	(500,840,820,693)	Do tình hình kinh tế thế giới chiến tranh thương mại Mỹ - Trung từ đầu năm 2019 có nhiều biến động làm cho giá thép giảm và nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu cho các công trình đầu tư cũng giảm dẫn đến doanh thu bán hàng giảm so với cùng kỳ năm trước.
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	447,292,854	540,013,060	(92,720,206)	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2,556,853,024,900	3,057,601,125,387	(500,748,100,487)	
4. Giá vốn hàng bán	11	25	2,386,823,772,159	2,764,076,045,125	(377,252,272,966)	Doanh thu kỳ này giảm dẫn đến giá vốn cũng giảm tương ứng.
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		170,029,252,741	293,525,080,262	(123,495,827,521)	Lợi nhuận gộp bán hàng giảm là do những nguyên nhân nói trên dẫn đến lợi nhuận gộp giảm so với cùng kỳ năm trước.
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	4,110,938,741	33,008,980,592	(28,898,041,851)	Doanh thu tài chính kỳ này giảm là do không nhận chia lợi nhuận từ công ty liên kết.
7. Chi phí tài chính	22	27	36,282,912,194	52,713,147,977	(16,430,235,783)	Chi phí tài chính giảm là do giảm vay các tổ chức tín dụng và chủ động được nguồn vốn tự có.
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35,446,808,774	47,408,404,111	(11,961,595,337)	
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		2,039,664,497	(22,645,404,371)	24,685,068,868	
9. Chi phí bán hàng	25	28	24,191,902,640	31,103,664,046	(6,911,761,406)	Do tiết kiệm được nhiều nguồn chi phí, đồng thời giảm thiểu tối đa phát sinh các nguồn chi phí, dẫn đến chi phí bán hàng giảm so với cùng kỳ năm trước.
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	54,724,644,908	39,847,345,062	14,877,299,846	Chi phí quản lý kỳ này tăng là do trích dự phòng khoản phải thu khó đòi.
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60,980,396,237	180,224,499,398	(119,244,103,161)	Do một số nguyên nhân nêu trên nên dẫn đến lợi nhuận hoạt động kinh doanh kỳ này giảm so với cùng kỳ năm trước.



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Chênh lệch	Nguyên nhân
1	2	3	4	5	6= (4-5)	7
12. Thu nhập khác	31		979,218,820	778,715,483	200,503,337	
13. Chi phí khác	32	30	11,078,924,735	1,242,978,488	9,835,946,247	
14. Lợi nhuận khác	40		(10,099,705,915)	(464,263,005)	(9,635,442,910)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50,880,690,322	179,760,236,393	(128,879,546,071)	Do một số nguyên nhân chủ yếu trên nên dẫn đến tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm tương ứng.
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	11,359,462,965	38,030,223,433	(26,670,760,468)	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39,521,227,357	141,730,012,960	(102,208,785,603)	Lợi nhuận sau thuế TNDN kỳ này giảm hơn so với cùng kỳ năm trước là do những nguyên nhân chủ yếu nêu trên.
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		37,803,211,073	139,365,931,009	(101,562,719,936)	
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1,718,016,284	2,364,081,951	(646,065,667)	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	376	1,385	(1,009)	

Đồng Nai, ngày 23 tháng 08 năm 2019



dd

Đỗ Thị Kim Dung
Người lập

hmm

Đào Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Hà
Chủ tịch Hội đồng quản trị